

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
CỦA CÔNG TY MẸ - CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 47
Cho giai đoạn kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
kèm theo

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT



Được kiểm toán bởi:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI
Số: 3 ngõ 1295 đường Giải Phóng - Hoàng Mai - Hà Nội
Điện thoại: 043 974 50 81/82 Fax: 043 974 50 83
Hà Nội, tháng 8 năm 2012

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang số
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 04
Báo cáo công tác soát xét	05
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2012	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 06 tháng đầu năm 2012	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ 06 tháng đầu năm 2012	09
Thuyết minh báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm 2012	10 - 28
Phụ lục 01 - Tình hình tăng giảm tài sản cố định	29
Phụ lục 02 - Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu	30
Phụ lục 03 - Vay ngắn hạn	31 - 32
Phụ lục 04 - Vay dài hạn	33

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng 47 gọi tắt là "Công ty" đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được soát xét cho cho giai đoạn kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc tại thời điểm lập Báo cáo tài chính gồm có:

Hội đồng quản trị:

- | | |
|-----------------------|--------------|
| • Ông Nguyễn Lương Am | Chủ tịch |
| • Ông Nguyễn Văn Tôn | Phó Chủ tịch |
| • Ông Lê Văn Đồng | Ủy viên |
| • Ông Đinh Tấn Dương | Ủy viên |
| • Ông Phạm Văn Nho | Ủy viên |

Ban Tổng Giám đốc:

- | | |
|-----------------------|-------------------|
| • Ông Nguyễn Lương Am | Tổng Giám đốc |
| • Ông Vũ Xuân Chính | Phó Tổng Giám đốc |
| • Ông Lê Văn Đồng | Phó Tổng Giám đốc |
| • Ông Đinh Tấn Dương | Phó Tổng Giám đốc |
| • Ông Nguyễn Đức Thái | Phó Tổng Giám đốc |
| • Ông Nguyễn Văn Tôn | Phó Tổng Giám đốc |
| • Dương Minh Quang | Phó Tổng Giám đốc |

(Bổ nhiệm từ ngày 01/01/2012 theo Quyết định số 1660 ngày 19/12/2011 Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Xây dựng 47)

- | | |
|--------------------|----------------|
| • Ông Phạm Văn Nho | Kế toán trưởng |
|--------------------|----------------|

Kiểm toán viên độc lập

Báo cáo tài chính cho giai đoạn kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 của Công ty Cổ phần Xây dựng 47 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPA HANOI).

Khái quát về công ty

Công ty Cổ phần Xây dựng 47, gọi tắt là "Công ty", tiền thân là Công ty Xây dựng 47 được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số: 4411/2001/QĐ/BNN-TCCB ngày 08/12/2001 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp về việc chuyển Công ty Xây dựng 47 thành Công ty Cổ phần Xây dựng 47. Công ty được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3503000064 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp ngày 27 tháng 06 năm 2005. Trong quá trình hoạt động, Công ty có 11 lần thay đổi đăng ký kinh doanh với số mới là 4100258747, thay đổi lần thứ 11 vào ngày 09/06/2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp.

Theo đó:

Vốn điều lệ đăng ký của Công ty là: **80.000.000.000 đ (Tám mươi tỷ đồng chẵn).**

Lĩnh vực kinh doanh: Xây dựng các công trình thủy lợi, thủy điện; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Đại tu xe, máy thi công; Sản xuất, phục hồi phụ kiện cơ khí. Sản xuất các sản phẩm cơ khí công trình; Mua bán rượu, thuốc lá, hàng thủ công mỹ nghệ; Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao); Hoạt động của các điểm truy cập internet; Điều hành tour du lịch (Kinh doanh lữ hành nội địa và quốc tế; các dịch vụ du lịch khác); Dịch vụ hỗ trợ giáo dục (Tư vấn du học); Kinh doanh vận tải khách bằng ô tô theo hợp đồng. Kinh doanh vận tải hành khách bằng ô tô theo tuyến cố định. Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi. Kinh doanh vận tải hành khách bằng ô tô; Cho thuê ô tô; Kinh doanh dịch vụ thể thao giải trí, trò chơi thể thao trên biển; Dạy nghề; Đại lý thu đổi ngoại tệ; Dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài; Xây dựng các công trình công nghiệp, dân dụng; Khai thác đá, cát sỏi, đất sét; Dịch vụ thí nghiệm kiểm tra độ bền cơ học bê tông kết cấu; Khách sạn; Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống; Tổ chức hội nghị hội thảo; Đại lý rượu, bia, nước giải khát. Đại lý bán vé máy bay, tàu hỏa; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Thi công khoan phụt vữa xử lý nền và thân công trình.

Công ty có trụ sở tại: Số 8, Biên Cương, Thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

Đến thời điểm 30/06/2012, cơ cấu Công ty gồm có 01 Công ty con :

Công ty Cổ phần Du lịch Hầm Hồ có địa chỉ tại: Tây Phú - Tây Sơn - Bình Định.

Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết của Công ty mẹ là 73,83%.

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại ngày 30/06/2012 và kết quả hoạt động kinh doanh cho giai đoạn kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này từ trang 06 đến trang 33.

Các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ và lập Báo cáo tài chính :

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện nào bất thường xảy ra sau ngày 30/06/2012 cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính cho giai đoạn kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012.

Tại báo cáo này Ban Tổng Giám đốc Công ty xin khẳng định những vấn đề sau đây:

- Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính một cách trung thực và hợp lý;
- Chúng tôi đã cung cấp toàn bộ các tài liệu kế toán cần thiết cho các Kiểm toán viên và chịu trách nhiệm về tính trung thực của các tài liệu đã cung cấp;

- Việc thiết lập và duy trì một hệ thống kế toán và hệ thống kiểm soát nội bộ có hiệu lực, để thực thi công việc quản lý là thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc;
- Tài sản mà Công ty đang nắm giữ là thuộc quyền sở hữu hợp pháp của Công ty và không có bất kỳ một sự kiện nào có thể dẫn tới việc tranh chấp các tài sản mà Công ty đang sử dụng;
- Chúng tôi không có bất kỳ một kế hoạch dự tính nào có thể làm sai lệch đáng kể số liệu kế toán hoặc cách phân loại tài sản và khoản nợ đã được phản ánh trong Báo cáo tài chính ;
- Chúng tôi không có bất kỳ một kế hoạch nào nhằm ngừng xây dựng các công trình đang dở dang cũng không có một kế hoạch hay dự tính nào có thể dẫn đến tình trạng hàng tồn kho ứ đọng hoặc lạc hậu và không có bất kỳ khoản hàng tồn kho nào được hạch toán với giá trị cao hơn giá trị thực hiện thuần;
- Báo cáo tài chính đã phản ánh một cách trung thực về tình hình tài sản, công nợ và nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty tại ngày 30/06/2012, cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho giai đoạn kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012;
- Báo cáo tài chính đã được lập phù hợp với các Chính sách kế toán đã được trình bày trong thuyết minh Báo cáo tài chính và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Chúng tôi khẳng định rằng Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch kinh doanh của mình trong các năm tài chính tiếp theo.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 47



NGUYỄN LƯƠNG AM

Tổng Giám đốc

Quy Nhơn, ngày 15 tháng 7 năm 2012



Hà Nội, ngày 06 tháng 8 năm 2012

Số: 277 /CPAHANOI - BCSX

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 47
cho giai đoạn kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Xây dựng 47

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPA HANOI) đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm 2012 của Công ty cổ phần Xây dựng 47 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2012, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính của kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2012 như đã trình bày từ trang 06 đến trang 33.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra nhận xét về Báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI (CPAHANOI)

Kiểm toán viên

Lê Văn Dò

Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0231/KTV

Tổng Giám đốc

Nguyễn Ngọc Tĩnh

Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0132/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

Đơn vị tính: đồng

TT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5	6
A	TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		981.391.751.658	911.745.545.224
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	30.997.494.091	107.487.245.097
1	Tiền	111		30.997.494.091	77.487.245.097
2	Các khoản tương đương tiền	112		-	30.000.000.000
II	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		515.740.296.522	444.647.010.638
1	Phải thu khách hàng	131	V.02	475.607.813.310	390.206.431.202
2	Trả trước cho người bán	132	V.03	34.944.413.285	43.262.734.802
3	Các khoản phải thu khác	138	V.04	5.188.069.927	11.177.844.634
4	Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139		-	-
IV	Hàng tồn kho	140	V.05	408.441.047.819	354.739.562.031
1	Hàng tồn kho	141		408.441.047.819	354.739.562.031
2	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V	Tài sản ngắn hạn khác	150		26.212.913.226	4.871.727.458
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.06	-	6.956.909
2	Tài sản ngắn hạn khác	158	V.07	26.212.913.226	4.864.770.549
B	TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		376.629.344.423	399.504.388.209
I	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II	Tài sản cố định	220		324.001.952.423	358.216.410.709
1	Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	307.250.487.377	346.913.909.653
	- Nguyên giá	222		639.545.019.497	638.352.724.293
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(332.294.532.120)	(291.438.814.640)
2	Tài sản cố định vô hình	227	V.09	11.272.274.536	11.302.501.056
	- Nguyên giá	228		11.808.985.290	11.808.985.290
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(536.710.754)	(506.484.234)
3	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.10	5.479.190.510	-
III	Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		51.328.500.000	37.130.000.000
1	Đầu tư vào công ty con	251	V.11	5.330.000.000	5.330.000.000
2	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.12	45.998.500.000	31.800.000.000
V	Tài sản dài hạn khác	260		1.298.892.000	4.157.977.500
1	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.13	-	2.859.085.500
2	Tài sản dài hạn khác	268	V.14	1.298.892.000	1.298.892.000
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		1.358.021.096.081	1.311.249.933.433

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 33 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

Đơn vị tính: đồng

TT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5	6
A	NỢ PHẢI TRẢ (300=310+320)	300		1.211.564.502.868	1.158.416.707.721
I	Nợ ngắn hạn	310		921.905.107.270	858.630.615.468
1	Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	605.342.945.165	562.938.811.070
2	Phải trả người bán	312	V.16	203.623.981.814	201.744.147.485
3	Người mua trả tiền trước	313	V.17	10.306.056.752	24.995.377.849
4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.18	5.086.644.234	24.763.026.967
5	Phải trả công nhân viên	315		70.612.426.070	32.104.220.768
6	Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.19	25.704.383.963	10.913.255.887
7	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.228.669.272	1.171.775.442
II	Nợ dài hạn	330		289.659.395.598	299.786.092.253
1	Vay và nợ dài hạn	334	V.20	283.841.092.620	294.785.657.770
2	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		5.818.302.978	5.000.434.483
B	VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+420)	400		146.456.593.213	152.833.225.712
I	Vốn chủ sở hữu	410	V.21	146.456.593.213	152.833.225.712
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		80.000.000.000	80.000.000.000
2	Thặng dư vốn cổ phần	412		23.467.650.000	23.467.650.000
3	Vốn khác của chủ sở hữu	413		10.449.146.977	10.449.146.977
4	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	525.283
5	Quỹ đầu tư phát triển	417		17.591.392.507	15.643.647.685
6	Quỹ dự phòng tài chính	418		5.771.646.267	5.159.862.437
7	Lợi nhuận chưa phân phối	420		9.176.757.462	18.112.393.330
II	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
C	LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (430=300+400)	440		1.358.021.096.081	1.311.249.933.433

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

TT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	Ngoại tệ các loại (USD)	005		3.882,84	397,34

Kế toán trưởng



Phạm Văn Nho

Quy Nhơn, ngày 15 tháng 7 năm 2012

Tổng Giám đốc



Nguyễn Lương Am

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 năm 2012

Đơn vị tính: đồng

TT	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý 2		Lũy kế đầu năm đến cuối quý này	
				Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	V.22	222.678.142.932	333.334.257.719	486.170.482.173	694.125.300.837
2	Các khoản giảm trừ	3	V.23	14.073.252	20.399.372	28.748.078	40.486.785
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	V.24	222.664.069.680	333.313.858.347	486.141.734.095	694.084.814.052
4	Giá vốn hàng bán	11	V.25	174.733.306.382	284.727.893.234	395.688.540.470	601.358.943.555
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		47.930.763.298	48.585.965.113	90.453.193.625	92.725.870.497
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	V.26	1.595.306.411	1.695.825.293	3.199.018.636	3.610.204.267
7	Chi phí tài chính	22	V.27	34.607.026.489	34.443.145.586	64.276.284.765	60.953.191.233
	Trong đó: Chi phí lãi vay	23		31.459.458.436	34.443.145.586	58.053.462.969	60.953.191.233
8	Chi phí bán hàng	24		-	-	-	-
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	V.28	6.944.186.347	7.368.690.289	13.586.182.916	18.395.823.716
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		7.974.856.873	8.469.954.531	15.789.744.580	16.987.059.815
11	Thu nhập khác	31	V.29	16.500.000	39.490.000	125.658.000	39.490.000
12	Chi phí khác	32	V.30	8.910.000	-	8.910.000	-
13	Lợi nhuận khác	40		7.590.000	39.490.000	116.748.000	39.490.000
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		7.982.446.873	8.509.444.531	15.906.492.580	17.026.549.815
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V.31	1.950.609.004	2.101.977.729	3.667.620.430	4.231.254.051
16	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		6.031.837.869	6.407.466.802	12.238.872.150	12.795.295.764
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		754	801	1.530	1.599

Kế toán trưởng



Phạm Văn Nho

Quy Nhơn, ngày 15 tháng 7 năm 2012

Tổng Giám đốc



Nguyễn Lương Am

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 33 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Quý 2 năm 2012

Đơn vị tính: đồng

TT	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế đến cuối quý này	
				Năm nay	Năm trước
I	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1		422.166.856.902	683.972.775.916
2	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	2		(342.425.110.242)	(587.583.121.549)
3	Tiền chi trả cho người lao động	3		(90.004.238.220)	(95.479.714.350)
4	Tiền chi trả lãi vay	4		(58.053.462.969)	(60.953.191.233)
5	Tiền chi nộp thuế	5		(5.740.571.612)	(6.863.801.163)
6	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6		2.027.865.791	396.477.285
7	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7		(520.650.000)	(496.840.000)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(72.549.310.350)	(67.007.415.094)
II	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	6,7,8,11	(6.400.528.237)	(28.744.682.925)
2	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(14.198.500.000)	(7.020.000.000)
3	Tiền thu lợi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.199.018.636	3.610.204.267
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(17.400.009.601)	(32.154.478.658)
III	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		294.151.835.452	467.809.766.750
2	Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(262.692.266.507)	(356.785.128.815)
3	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	21	(18.000.000.000)	(16.000.000.000)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		13.459.568.945	95.024.637.935
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		(76.489.751.006)	(4.137.255.817)
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		107.487.245.097	31.023.544.873
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	29	30.997.494.091	26.886.289.056

Kế toán trưởng



Phạm Văn Nho

Quy Nhơn, ngày 15 tháng 7 năm 2012



Nguyễn Lương Am

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

QUÝ 2 NĂM 2012

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu

Công ty Cổ phần Xây dựng 47, gọi tắt là "Công ty", tiền thân là Công ty Xây dựng 47 được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số: 4411/2001/QĐ/BNN-TCCB ngày 08/12/2001 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp về việc chuyển Công ty Xây dựng 47 thành Công ty Cổ phần Xây dựng 47. Công ty được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3503000064 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp ngày 27 tháng 06 năm 2005. Trong quá trình hoạt động, Công ty có 11 lần thay đổi đăng ký kinh doanh với số mới là 4100258747, thay đổi lần thứ 11 vào ngày 09/06/2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp.

Theo đó:

Vốn điều lệ đăng ký của Công ty là: **80.000.000.000 đ (Tám mươi tỷ đồng chẵn).**

Cơ cấu vốn điều lệ:

- Vốn góp của Nhà nước : 20.076.427.000 VND <tương đương 25,96%>
- Vốn góp của các đối tượng khác : 59.235.730.000 VND <tương đương 74,04%>.

Công ty có trụ sở tại: Số 8, Biên Cương, Thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

2. Lĩnh vực hoạt động của Công ty:

Xây dựng các công trình thủy lợi, thủy điện; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Đại tu xe, máy thủ công; Sản xuất, phục hồi phụ kiện cơ khí. Sản xuất các sản phẩm cơ khí công trình; Mua bán rượu, thuốc lá, hàng thủ công mỹ nghệ; Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao); Hoạt động của các điểm truy cập internet; Điều hành tour du lịch (Kinh doanh lữ hành nội địa và quốc tế; các dịch vụ du lịch khác); Dịch vụ hỗ trợ giáo dục (Tư vấn du học); Kinh doanh vận tải khách bằng ô tô theo hợp đồng. Kinh doanh vận tải hành khách bằng ô tô theo tuyến cố định. Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi. Kinh doanh vận tải hành khách bằng ô tô; Cho thuê ô tô; Kinh doanh dịch vụ thể thao giải trí, trò chơi thể thao trên biển; Dạy nghề; Đại lý thu đổi ngoại tệ; Dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài; Xây dựng các công trình công nghiệp, dân dụng; Khai thác đá, cát sỏi, đất sét; Dịch vụ thí nghiệm kiểm tra độ bền cơ học bê tông kết cấu; Khách sạn; Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống; Tổ chức hội nghị hội thảo; Đại lý rượu, bia, nước giải khát. Đại lý bán vé máy bay, tàu hỏa; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Thi công khoan phụt vữa xử lý nền và thân công trình.

Đến thời điểm 30/06/2012, cơ cấu Công ty gồm có 01 Công ty con :

Công ty Cổ phần Du lịch Hầm Hồ có địa chỉ tại: Tây Phú - Tây Sơn - Bình Định.

Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết của Công ty mẹ là 73,83%.

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đây là Báo cáo tài chính giữa niên độ nên niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01 đến 30/06.
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng.

III. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VÀ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 15/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn kèm theo phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh tại Công ty.

2. Hình thức sổ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng hình thức Sổ kế toán trên máy vi tính. Đến thời điểm khoá sổ lập Báo cáo tài chính, Công ty đã in đầy đủ Báo cáo tài chính, sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết.

3. Chuẩn mực kế toán áp dụng:

Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần Xây dựng 47 tuyên bố tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam đã ban hành phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

IV. Các Chính sách kế toán áp dụng

Sau đây là các Chính sách kế toán chủ yếu mà Công ty đã áp dụng để ghi sổ và lập Báo cáo tài chính:

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền:

- **Nguyên tắc xác định các khoản tiền:** Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng. Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng giao dịch tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Toàn bộ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động sản xuất kinh doanh, kể cả hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản được hạch toán ngay vào chi phí tài chính hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.
- **Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền:** Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

2.1. Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho:

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế kh''ng được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho đo đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hoá nguyên liệu vật liệu thành thành phẩm. Các chi phí sản xuất chung được phân bổ trên cơ sở chi phí thực tế phát sinh để sản xuất hàng tồn kho cho từng bộ phận, từng công trình.

Sản phẩm dở dang cuối kỳ được đánh giá theo phương pháp chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp.

2.2. Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho: Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

2.3. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho cho hầu hết hàng tồn kho, duy nhất áp dụng kiểm kê định kỳ đối với nguyên liệu, công cụ tại bộ phận dịch vụ khách sạn.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

- Lập dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

4. Ghi nhận TSCĐ và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá, trong quá trình sử dụng tài sản cố định được ghi nhận theo ba tiêu thức nguyên giá, hao mòn và giá trị còn lại. Nguyên giá của TSCĐ được xác định là toàn bộ chi phí mà đơn vị đã bỏ ra để có được tài sản đó tính đến thời điểm đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

- Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình:

Khấu hao TSCĐ hữu hình được thực hiện theo phương pháp đường thẳng, căn cứ theo thời gian sử dụng hữu ích ước tính và nguyên giá của tài sản. Thời gian khấu hao được tính theo thời gian khấu hao quy định tại Thông tư số 203/2009/TT - BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính. Mức khấu hao cụ thể như sau:

Loại TSCĐ	Thời gian sử dụng
- Nhà cửa, vật kiến trúc	20 - 50 năm
- Máy móc thiết bị	08 - 12 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- | | |
|-----------------------------|-------------|
| - Thiết bị, dụng cụ quản lý | 05 - 08 năm |
| - Phần mềm | 03 - 08 năm |

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn của Công ty được ghi nhận theo giá gốc bắt đầu từ ngày góp vốn đầu tư, hoặc ngày mua cổ phiếu, trái phiếu.

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

6. Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí đi vay

- Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc việc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.
- Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất sản phẩm dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết.
- Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phát sinh.
- Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời, các khoản vốn vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay khi phát sinh vốn hóa.
- Chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hóa trong từng kỳ không được vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ đó.

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả, Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ để đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Đối với quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm, Công ty thực hiện trích lập theo hướng dẫn tại Thông tư số 82/2003/TT-BTC ngày 14/08/2003 của Bộ Tài chính.

8. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

9. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ và các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm tài sản là tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá quy định vào ngày kết thúc niên độ kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch đánh giá lại của các khoản mục tiền tệ được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

10. Các nghĩa vụ về thuế

Công ty áp dụng Chính sách thuế theo quy định của các Luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của Chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm các năm trước và khoản khác được hình thành từ lợi nhuận sau thuế và được sử dụng vào việc khen thưởng hoặc các mục đích khác phục vụ công tác điều hành của Ban Giám đốc, Hội đồng quản trị.

12. Nguyên tắc trích lập các khoản dự trữ các quỹ từ lợi nhuận sau thuế:

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt được trích các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành, sẽ phân chia cho các bên dựa trên tỷ lệ vốn góp.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty.

Các quỹ của Công ty được trích lập theo quyết định tại Nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên.

13. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu trong kỳ của Công ty bao gồm doanh thu xây lắp các công trình, doanh thu bán vật tư, doanh thu từ lãi tiền gửi, thu cổ tức.

- ***Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:***

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;

- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Đối với doanh thu xây lắp được xác định theo giá trị khối lượng thực hiện, được khách hàng xác nhận bằng nghiệm thu từng lần hoặc theo phiếu giá thanh toán, quyết toán của từng hạng mục công việc hoàn thành hoặc toàn bộ công trình xây lắp, hoá đơn tài chính, phù hợp với quy định tại Chuẩn mực kế toán số 15 - Hợp đồng xây dựng.

- **Doanh thu cung cấp dịch vụ:**

Được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ;
- Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu từ dịch vụ vận tải được xác định theo hợp đồng kinh tế, biên bản xác nhận dịch vụ hoàn thành, phát hành hoá đơn tài chính và được khách hàng chấp nhận thanh toán.

- **Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia, chênh lệch tỷ giá thực hiện và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Doanh thu từ đầu tư cổ phiếu được ghi nhận trên cơ sở chênh lệch giữa giá bán và giá mua. Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

12. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hoạt động xây lắp được xác định đối với từng hợp đồng, công trình xây dựng riêng biệt và tương ứng với doanh thu trong kỳ, chi phí của từng hợp đồng, công trình đã được ghi nhận. Cụ thể:

- Đối với các công trình cuối kỳ đã hoàn thành, bàn giao, doanh thu lũy kế đã hạch toán hết theo tổng giá trị nghiệm thu thanh toán thì giá vốn kết chuyển trong kỳ bằng toàn bộ chi phí lũy kế đã được ghi nhận (không còn chi phí dở dang).

- Đối với các công trình cuối kỳ chưa hoàn thành hoặc hoàn thành nhưng chưa có quyết toán, thanh lý hợp đồng thì giá vốn trong kỳ được xác định trên cơ sở chi phí sản xuất kinh doanh dở dang đầu kỳ, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang phát sinh trong kỳ, tỷ lệ doanh thu ghi nhận trong kỳ với sản lượng dở dang đầu kỳ cộng sản lượng thực hiện trong kỳ.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí hợp đồng xây dựng, Trích lập dự phòng bảo hành công trình xây lắp: Chi phí của hợp đồng xây dựng gồm: Chi phí trực tiếp liên quan đến từng hợp đồng, chi phí chung được phân bổ cho các hợp đồng có liên quan và các chi phí khác có thể thu lại từ khách hàng theo các điều khoản của hợp đồng xây lắp.

- Phương pháp lập chi phí bảo hành: Doanh nghiệp dự kiến mức tổn thất trích bảo hành công trình xây lắp đã tiêu thụ trong năm và tiến hành lập dự phòng bảo hành công trình xây lắp có cam kết bảo hành.

Tổng mức trích lập dự phòng bảo hành của các công trình xây lắp theo quy định đã cam kết với khách hàng nhưng tối đa không quá 5% trên tổng giá trị công trình.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí tài chính: Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay; Các khoản trên được ghi nhận theo số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp: là các khoản chi phí gián tiếp phục vụ cho hoạt động phân phối sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ ra thị trường và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Mọi khoản chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ đó khi chi phí đó không đem lại lợi ích kinh tế trong các kỳ sau.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành:

Chi phí thuế TNDN hiện hành thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả trong năm hiện tại. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có).

Việc xác định chi phí thuế TNDN căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế TNDN tuỳ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

16. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Cơ sở lập báo cáo tài chính: Báo cáo tài chính được lập và trình bày dựa trên các nguyên tắc và phương pháp kế toán cơ bản: cơ sở dồn tích, hoạt động liên tục, giá gốc, phù hợp, nhất quán, thận trọng, trọng yếu, bù trừ và có thể so sánh.

Các bên liên quan: Một bên được xem là bên liên quan đến Công ty nếu có khả năng kiểm soát Công ty hay có ảnh hưởng trọng yếu đến các quyết định tài chính và hoạt động của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

		Đơn vị tính: đồng	
1.	Tiền	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Tiền mặt	3.415.103.116	2.612.619.248
	Tiền Việt Nam	3.415.103.116	2.612.619.248
	Ngoại tệ (USD)	-	-
	Tiền gửi ngân hàng	27.582.390.975	74.874.625.849
	Tiền Việt Nam	27.501.977.990	74.866.350.051
	Ngân hàng BIDV Việt Nam - CN Bình Định	27.102.577.958	73.853.555.592
	Ngân hàng Vietcombank Quy Nhơn	397.450.032	1.010.844.459
	Ngân hàng TMCP Công thương	1.950.000	1.950.000
	Ngoại tệ (USD)	80.412.985	8.275.798
	Ngân hàng BIDV - CN Bình Định	80.412.985	8.275.798
	Cộng	30.997.494.091	77.487.245.097
	Các khoản tương đương tiền	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Tiền gửi kỳ hạn 1 tháng <1.suất 14,5%/năm> BIDV Bình Định	-	30.000.000.000
	Cộng	-	30.000.000.000
2.	Phải thu của khách hàng	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Văn phòng công ty	471.502.046.284	388.102.462.607
	Công trình Thạch Nham	2.000	2.000
	Công trình Suối Tre	167.330.000	167.330.000
	Công trình Việt An	89.959.000	89.959.000
	Công trình Vạn Hội	1.000	1.000
	Công trình Đồng Cam (kênh)	80.000.000	80.000.000
	Công trình Thạch Đề	12.959.040	12.959.040
	Công trình Đồng Tròn	5.652.000	5.652.000
	Công trình Hội Sơn	26.127.000	26.127.000
	Công trình Dakyen	-	6.923.975
	Công trình Hoài Châu Bắc	18.992.000	18.992.000
	Công trình Easoup	18.714.927	18.714.927
	Công trình Hàm Thuận	97.532.231	97.532.231
	Cty xây dựng & phát triển hạ tầng	51.000.000	51.000.000
	Công trình Suối Bèo	63.230.000	63.230.000
	Công trình DRay HLin	498	498
	Công trình Sông Ba hạ	23.864.815.334	23.864.815.334
	Công trình Lại Giang	156.590.000	156.590.000
	Công trình Đồng Nai 4	252.905.018.848	230.803.327.649
	Công trình NMTĐ Định Bình	904.383.171	-
	Công trình Krông Buk	1.034.954.000	6.057.492.000
	Công trình Hoa Sơn	-	6.829.428.000
	Công trình Trà Co	2.343.171.500	2.377.360.800

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 47

Địa chỉ: Số 8 Biên Cương - Quy Nhơn - Bình Định

Điện thoại: 056 3522 166 Fax: 056 3522 316

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho giai đoạn kế toán

từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

Công trình Nước Trong	14.412.727.000	30.099.711.000
Công trình Sêrêpôk	5	5
Công trình A Lưới	29.615.022.617	27.953.013.002
Công trình Tà Trạch	17.221.457.000	-
Công trình kênh Phước Hòa	1.500.000.005	1.851.934.611
Nhà máy Thủy Điện Nước Trong	1.168.357.350	1.573.488.050
Công trình Sêrêpôk 4A	46.802.394.675	8.099.108.108
Công trình Cây Ké	933.968.000	3.101.842.000
Công trình Văn Phong	1.122.677.000	3.544.812.000
Công trình Tà Rục	1.500.000.000	-
Công trình Sông Bung 5	53.115.655.040	20.816.741.799
Công trình Sông Bung 4A	19.521.034.613	18.356.737.578
Công trình Thượng Kontum	2.604.222.430	-
Công trình Dương Thiện	144.098.000	1.977.637.000
Khách sạn Hải Âu	2.027.976.026	640.455.095
Công trường Bình Đề	1.898.236.000	1.308.546.500
Trung tâm dạy nghề	179.555.000	154.967.000

Cộng**475.607.813.310****390.206.431.202****3. Trả trước cho người bán****Số cuối kỳ****Số đầu năm**

Văn phòng công ty

34.944.413.285

43.262.734.802

Cộng**34.944.413.285****43.262.734.802****4. Các khoản phải thu khác****Số cuối kỳ****Số đầu năm**

Văn phòng công ty

1.199.654.880

3.139.740.064

Công trường Sêrêpôk 4A

877.658.236

862.088.757

Công trường A Lưới

-

412.212.500

Công trường Phước Hòa

-

302.505.494

Công trường Đồng Nai 4

431.722.690

1.893.196.340

Công trường Krông Buk

30.166.741

32.504.389

Công trường Bình Đề

33.500.000

24.454.500

Công trường Nước Trong

502.852.055

1.676.455.445

Công trường Sông Bung 4

-

280.339.410

Công trường Tân Mỹ

54.061.499

-

Công trường Tà Rục

116.030.000

1.163.705.994

Công trường Thượng Kon Tum

121.913.591

1.208.122.849

Công trường Tiên Thuận

200.979.300

-

Công trường Văn Phong

105.693.549

4.580.549

Công trường NMTĐ Định Bình

141.839.225

8.345.099

Công trường Tà Trạch

153.992.830

108.918.000

Xây dựng trụ sở công ty

1.123.622.311

-

Khách sạn Hải Âu (Dư nợ TK 3388)

94.383.020

60.675.244

Cộng**5.188.069.927****11.177.844.634**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

5. Hàng tồn kho	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	78.482.233.044	88.275.409.089
Công cụ, dụng cụ	835.244.623	1.051.943.221
Chi phí SX, KD dở dang	328.808.242.888	264.861.896.544
Hàng hóa	315.327.264	550.313.177
Tổng cộng giá gốc hàng tồn kho	408.441.047.819	354.739.562.031

Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố cho các khoản nợ phải trả: không

Giá trị hoàn nhập dự phòng hàng tồn kho trong kỳ: không

6. Chi phí trả trước ngắn hạn	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ	-	6.956.909
Cộng	-	6.956.909

7. Tài sản ngắn hạn khác	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tạm ứng lương và phụ cấp	18.512.443.522	4.864.770.549
Tạm ứng khác	7.700.469.704	-
Cộng	26.212.913.226	4.864.770.549

8. Tài sản cố định hữu hình <Chi tiết tại phụ lục số 01>

9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư tại ngày 01/01/2012	11.242.048.017	566.937.273	11.808.985.290
Tăng trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư tại ngày 30/06/2012	11.242.048.017	566.937.273	11.808.985.290
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư tại ngày 01/01/2012	-	506.484.234	506.484.234
Khấu hao trong kỳ	-	30.226.520	30.226.520
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư tại ngày 01/01/2012	-	536.710.754	536.710.754
Giá trị còn lại			
Số dư tại ngày 01/01/2012	11.242.048.017	60.453.039	11.302.501.056
Số dư tại ngày 01/01/2012	11.242.048.017	30.226.519	11.272.274.536

Quyền sử dụng đất diện tích 488,5 m² tại địa chỉ 4/7 đường số 3, KP5, phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh không xác định thời hạn.

10. Chi phí XDCB dở dang	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trụ sở công ty (Số 8 Biên Cương)	5.479.190.510	-
Cộng	5.479.190.510	-

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 47

Địa chỉ: Số 8 Biên Cương - Quy Nhơn - Bình Định

Điện thoại: 056 3522 166 Fax: 056 3522 316

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho giai đoạn kế toán

từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

11. Đầu tư vào công ty con	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty CP Du lịch Hầm Hồ	5.330.000.000	5.330.000.000
Cộng	5.330.000.000	5.330.000.000
12. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty CP Thủy điện Buôn Đôn <8% vốn điều lệ>	26.800.000.000	18.600.000.000
Công ty CP Thủy điện Định Bình <18,26% vốn điều lệ>	13.200.000.000	13.200.000.000
Công ty CP thủy điện Văn Phong <59,99% vốn điều lệ>	5.998.500.000	-
<Trong đó: Công ty cp Xây dựng 47 góp 3.000.000.000 đồng ; công đoàn cơ sở công ty góp 2.998.500.000 đồng>.		
Cộng	45.998.500.000	31.800.000.000
13. Chi phí trả trước dài hạn	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền GPMB cụm Phước An, Tuy Phước	-	2.859.085.500
Cộng	-	2.859.085.500
14. Tài sản dài hạn khác	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ký cược, ký quỹ dài hạn	1.298.892.000	1.298.892.000
Ký quỹ XNK lao động	1.000.000.000	1.000.000.000
Ký quỹ môi trường	298.892.000	298.892.000
Cộng	1.298.892.000	1.298.892.000
15. Vay và nợ ngắn hạn	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngân hàng ĐT&PT Việt Nam - CN Bình Định	604.952.110.593	562.533.476.498
Vay các đối tượng khác	390.834.572	405.334.572
Cộng	605.342.945.165	562.938.811.070
<i>(Chi tiết các khoản vay xem thêm tại Phụ lục số 03)</i>		
16. Phải trả người bán	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Văn phòng Cty	200.129.570.751	160.695.990.003
Khách sạn Hải Âu	443.956.310	1.107.196.471
Công trường Bình Đề	-	182.655.000
Công trường Đồng Nai 4	828.248.579	34.025.678.222
Công trường sông Bung 5	454.887.720	5.732.627.789
Công trường Krông Buk	815.440.383	-
Xây dựng trụ sở công ty	951.878.071	-
Cộng	203.623.981.814	201.744.147.485
17. Người mua trả tiền trước	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công trình Lòng Sông (đường)	570	570
Công ty xây dựng thủy lợi 24	127.880.000	127.880.000

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 47

Địa chỉ: Số 8 Biên Cương - Quy Nhơn - Bình Định

Điện thoại: 056 3522 166 Fax: 056 3522 316

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho giai đoạn kế toán

từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

Công trình Hà Nhe	1.240.000	1.240.000
Công trình Hồ Định Bình	1.613.433.002	11.093.143.076
Công trình Sông Trầu	43.547.180	43.547.180
Công trình Tả Trạch	-	7.700.077.000
Công trình Tà Rục	-	500.000.000
Công trình Đambri	1.000.000.000	1.000.000.000
Công trình Tiên Thuận	2.519.956.000	4.000.000.000
Công trình NMTĐ Định Bình	-	529.490.023
Công ty cổ phần thủy điện Văn Phong	5.000.000.000	-
Cộng	10.306.056.752	24.995.377.849

18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Thuế GTGT	2.326.466.147	19.930.526.018
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.792.620.437	4.865.571.619
Thuế tiêu thụ đặc biệt	4.724.477	4.096.157
Các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước khác	(37.166.827)	(37.166.827)
Cộng	5.086.644.234	24.763.026.967

19. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	8.451.439.727	6.497.446.727
Bảo hiểm y tế	-	-
Phải trả về cổ phần hóa	1.151.237.824	1.151.237.824
Phải trả khác	15.990.659.732	3.264.571.336
Văn phòng cty	-	2.181.047.911
Khách sạn Hải Âu	-	-
Văn phòng cty (Dư Có TK 1388)	2.304.573.490	1.083.523.425
Tạm giữ 5% bảo hành	46.569.450	-
Tiền nộp Tổng công ty	23.699.154	-
Hồ sơ đấu thầu	19.170.000	-
CLB lưu trí	40.000.000	-
Thuế thu nhập cá nhân tạm thu	1.965.347.044	-
Tiền xuất khẩu lao động	370.575.000	-
Tiền tạm giữ của CBCNV chuyển đi	73.878.133	-
Công trường Sêrêpôk 4A	3.333.800	-
Công trường Tiên Thuận	113.337.317	-
Phải trả khác <lương của các đội>	11.030.176.344	-
Tài sản thừa chờ xử lý	111.046.680	-
Cộng	25.704.383.963	10.913.255.887

20. Vay và nợ dài hạn	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay dài hạn	101.496.092.620	112.440.657.770
Ngân hàng BIDV - CN Bình Định (VND)	95.322.673.420	106.267.238.570
Ngân hàng BIDV - CN Bình Định	6.173.419.200	6.173.419.200
Nợ dài hạn	182.345.000.000	182.345.000.000
Ban QL ĐT và XD Thủy lợi 6 (CT Nước Trong)	46.807.000.000	46.807.000.000

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 47

Địa chỉ: Số 8 Biên Cương - Quy Nhơn - Bình Định

Điện thoại: 056 3522 166 Fax: 056 3522 316

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho giai đoạn kế toán

từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

Ban QLĐT và XD Thủy lợi 6 (CT thủy điện Nước Trong)	39.743.000.000	39.743.000.000
Ban QLĐT và XD Thủy lợi 7 (CT Tà Rục)	5.500.000.000	5.500.000.000
Công ty CP tư vấn xây dựng điện 1	17.337.000.000	17.337.000.000
Công ty CP TĐ Vĩnh Sơn Sông Hình	55.394.000.000	55.394.000.000
Ban QLĐT và XD Thủy lợi 5	851.000.000	851.000.000
Công ty cp Thủy điện Buôn Đôn (CT Seropok 4A)	16.713.000.000	16.713.000.000
Cộng	283.841.092.620	294.785.657.770

(Chi tiết các khoản vay dài hạn xem thêm tại Phụ lục số 04)

21. Vốn chủ sở hữu**21.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu <Chi tiết tại phụ lục số 02>****21.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vốn góp của Nhà nước <25,96%>	20.764.270.000	20.764.270.000
Vốn góp của các đối tượng khác <74,04%>	59.235.730.000	59.235.730.000
Cộng	80.000.000.000	80.000.000.000

21.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận được chia:

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	80.000.000.000	80.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	80.000.000.000	80.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	18.000.000.000	16.000.000.000

21.4 Cổ phiếu

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành:	8.000.000	8.000.000
Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng:	8.000.000	8.000.000
Cổ phiếu phổ thông	8.000.000	8.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành:	8.000.000	8.000.000
Cổ phiếu phổ thông	8.000.000	8.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/1 cổ phiếu**21.5 Các quỹ của doanh nghiệp**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Quỹ đầu tư phát triển	17.591.392.507	15.643.647.685
Quỹ dự phòng tài chính	5.771.646.267	5.159.862.437
Cộng	23.363.038.774	20.803.510.122

Các quỹ của doanh nghiệp được trích căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 06/4/2012. Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp: để dự phòng rủi ro có thể xảy ra và đầu tư phát triển doanh nghiệp theo chiều sâu.

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Đơn vị tính: đồng)

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
22. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu bán hàng	2.269.449.523	2.290.744.202
Doanh thu thi công xây lắp chính	446.443.858.913	655.064.278.310
Dịch vụ khách sạn du lịch	30.943.167.283	24.223.943.097
Doanh thu nhượng bán vật tư	5.226.002.812	11.212.225.922
Doanh thu cho thuê tài sản	-	254.304.000
Doanh thu khác	1.288.003.642	1.079.805.306
Cộng	486.170.482.173	694.125.300.837
23. Các khoản giảm trừ doanh thu		
Thuế tiêu thụ đặc biệt của khách sạn Hải Âu	28.748.078	40.486.785
Cộng	28.748.078	40.486.785
24. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu bán hàng	2.269.449.523	2.290.744.202
Doanh thu thi công xây lắp chính	446.443.858.913	655.064.278.310
Dịch vụ khách sạn du lịch	30.914.419.205	24.183.456.312
Doanh thu nhượng bán vật tư	5.226.002.812	11.212.225.922
Doanh thu cho thuê tài sản	-	254.304.000
Doanh thu khác	1.288.003.642	1.079.805.306
Cộng	486.141.734.095	694.084.814.052
25. Giá vốn bán hàng		
Giá vốn hàng bán	395.688.540.470	601.358.943.555
Cộng	395.688.540.470	601.358.943.555
26. Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi góp vốn từ Cty CP Thủy điện Định Bình (8%)	1.056.000.000	-
Lãi góp vốn từ Cty CP Du Lịch Hầm Hô	180.010.857	101.533.620
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.963.007.779	3.508.670.647
Cộng	3.199.018.636	3.610.204.267
27. Chi phí tài chính		
Chi phí lãi vay	58.053.462.969	60.953.191.233
Phí bảo lãnh thực hiện hợp đồng và tạm ứng các công trình	6.222.821.796	-
Cộng	64.276.284.765	60.953.191.233

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
28. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên quản lý	3.901.982.000	3.074.291.000
Chi phí vật liệu quản lý	680.159.719	350.180.056
Chi phí đồ dùng văn phòng	84.814.336	247.600.120
Chi phí khấu hao TSCĐ	97.400.000	97.400.000
Thuế, phí, lệ phí	399.838.038	3.142.674.257
Chi phí dự phòng	885.599.895	770.733.243
Chi phí bằng tiền khác	7.536.388.928	10.712.945.040
Cộng	13.586.182.916	18.395.823.716
29. Thu nhập khác		
Thu tiền bảo hiểm xe	125.658.000	28.990.000
Thu nhập khác	-	10.500.000
Cộng	125.658.000	39.490.000
30. Chi phí khác		
Chi phí sửa xe tai nạn	8.910.000	-
Cộng	8.910.000	-
31. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	3.667.620.430	4.231.254.051
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các kỳ trước vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ này.	-	-
32. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố		
Chi phí nguyên vật liệu	196.477.389.502	362.283.063.572
Chi phí nhân công trực tiếp	113.438.789.972	112.723.198.459
Chi phí máy thi công	73.449.562.229	116.160.275.146
Chi phí khấu hao TSCĐ	40.788.544.000	37.825.227.000
Chi phí chia thầu	40.674.873.972	49.852.269.103
Chi phí xưởng	15.538.446.651	21.665.757.526
Chi phí khác	18.247.420.874	19.811.512.764
Cộng	498.615.027.200	720.321.303.570

VII. Những thông tin khác**1. Công cụ tài chính:****1.1. Quản lý rủi ro:**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty vừa có thể hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

1.2. Các loại công cụ tài chính:**30/06/2012****Tài sản tài chính**

Tiền và các khoản tương đương tiền	30.997.494.091
Phải thu khách hàng và phải thu khác	480.795.883.237
Tài sản tài chính khác	1.298.892.000

Công cụ tài chính

Phải trả khách hàng và phải trả khác	229.328.365.777
Công nợ tài chính khác	182.345.000.000

1.3. Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính:

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền.

Rủi ro thị trường

Quản lý rủi ro tỷ giá: rủi ro tỷ giá là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty không có rủi ro tỷ giá do việc mua bán hàng hóa dịch vụ được thực hiện bằng tiền Việt Nam đồng.

Quản lý rủi ro về lãi suất

Rủi ro về lãi suất là rủi ro về giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro về lãi suất là của công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay.

Công ty không có bất kỳ rủi ro lãi suất trọng yếu nào vì Công ty chỉ quan hệ giao dịch truyền thống lâu năm với Ngân hàng BIDV chi nhánh Bình Định và được ngân hàng ưu đãi với mức lãi suất thấp nhất, có lợi nhất cho công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi các khoản phải thu chủ yếu từ khách hàng là Ban quản lý dự án thuộc Ngân sách Nhà nước.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể kiểm soát đối với số vốn mà công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền và các khoản vay nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phát sinh và thời hạn thanh toán như đã thỏa thuận. Công nợ tài chính được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu và ngày đáo hạn hợp đồng theo ngày sớm nhất mà công ty phải trả:

	Dưới 1 năm	Từ 1 đến 5 năm
Phải trả khách hàng và phải trả khác	229.328.365.777	-
Công nợ khác	-	182.345.000.000

1.4. Tài sản đảm bảo:

Trong kỳ Công ty có dùng một số tài sản để thế chấp vay vốn ngân hàng, cụ thể như sau:

- Khoản vay dài hạn USD ngân hàng BIDV - chi nhánh Bình Định để mua cầu thép điện. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay.

- Khoản vay dài hạn USD ngân hàng BIDV - chi nhánh Bình Định để mua máy ủi. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay.

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

- Các khoản vay ngân hàng BIDV - chi nhánh Bình Định ngắn hạn, dài hạn khác để sử dụng vào việc mua máy móc thiết bị mới và bổ sung vốn lưu động để thực hiện sản xuất kinh doanh. Các khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay, TSCĐ hoặc các khoản phải thu khách hàng tương ứng với số dư nợ tại thời điểm vay.

(Chi tiết giá trị các khoản vay xem tại Phụ lục số 03 và 04)

2. Thông tin về các bên liên quan:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch
Công ty cổ phần Du lịch Hầm Hồ	Công ty con	Không
Công ty cổ phần Thủy điện Buôn Đôn	Công ty liên kết	Không
Công ty cổ phần Thủy điện Định Bình	Công ty liên kết	Không
Công ty cổ phần Thủy điện Văn Phong	Công ty liên kết	Không

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ không có các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan.

3. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu cùng kỳ năm 2011 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn Thăng Long - TDK. Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trên báo cáo tài chính năm 2011 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn Thăng Long - TDK.

4. Thông tin về hoạt động liên tục

Ban Tổng Giám đốc khẳng định rằng, Công ty sẽ tiếp tục hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ hoạt động tiếp theo.

5. Những thông tin khác

5.1 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	12.238.872.150	12.795.295.764
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông	8.000.000	8.000.000
Lãi trên cổ phiếu	1.530	1.599

5.2 Một số chỉ tiêu tài chính

Chỉ tiêu	ĐVT	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
1. Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu vốn			
1.1. Bố trí cơ cấu tài sản			
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	72,27	71,40
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	27,73	28,60
1.2. Bố trí cơ cấu vốn			
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	89,22	90,21
- Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	10,78	9,79
2. Khả năng thanh toán			
2.1. Khả năng thanh toán tổng quát	lần	1,12	1,11
2.2. Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	lần	1,06	1,07
2.3. Khả năng thanh toán nhanh	lần	0,03	0,03
3. Tỷ suất sinh lời			
3.1 Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Doanh thu	%	3,27	2,45
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu	%	2,52	1,84
3.2 Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản	%	1,17	1,17
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	0,90	0,88
3.3 Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn CSH	%	15,30	15,99

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

5.3 Thông tin khác

Quyết toán thuế của công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định của thuế với việc áp dụng các quy định và Chuẩn mực kiểm toán cho các giao dịch tại đơn vị có thể được giải thích theo cách khác nhau. Vì vậy, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể được thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Quy Nhơn, ngày 15 tháng 7 năm 2012

Công ty Cổ phần Xây dựng 47**Tổng Giám đốc****Kế toán trưởng****Phạm Văn Nho****Nguyễn Lương Am**

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 47

Địa chỉ: Số 8, Biên Cương, Thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Điện thoại: 056 3522166 Fax: 056 3522316

Báo cáo tài chính

Cho giai đoạn kế toán

từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

Phụ lục số 01: Tình hình tăng giảm TSCĐ hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ QL	Cộng
I Nguyên giá TSCĐ					
1. Số dư tại ngày 01/01/2012	71.558.045.675	408.200.387.102	146.091.285.630	12.503.005.886	638.352.724.293
2. Số tăng trong kỳ	-	967.047.727	-	225.247.477	1.192.295.204
- Mua sắm mới	-	967.047.727	-	225.247.477	1.192.295.204
- Xây dựng mới	-	-	-	-	-
- Tặng khác	-	-	-	-	-
3. Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
- Thanh lý	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
4. Số dư tại ngày 30/06/2012	71.558.045.675	409.167.434.829	146.091.285.630	12.728.253.363	639.545.019.497
II Giá trị hao mòn lũy kế					
1. Số dư tại ngày 01/01/2012	13.087.890.737	199.627.673.447	70.775.421.236	7.947.829.220	291.438.814.640
2. Khấu hao trong kỳ	1.527.816.452	27.890.774.510	10.502.396.696	934.729.822	40.855.717.480
- Trích trong kỳ	1.527.816.452	27.890.774.510	10.502.396.696	934.729.822	40.855.717.480
- Tặng khác	-	-	-	-	-
3. Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
- Thanh lý	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
4. Số dư tại ngày 30/06/2012	14.615.707.189	227.518.447.957	81.277.817.932	8.882.559.042	332.294.532.120
III Giá trị còn lại					
1. Tại ngày 01/01/2012	58.470.154.938	208.572.713.655	75.315.864.394	4.555.176.666	346.913.909.653
2. Tại ngày 30/06/2012	56.942.338.486	181.648.986.872	64.813.467.698	3.845.694.321	307.250.487.377

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay:

409.167.434.829 đồng

Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

84.136.484.673 đồng

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 47

Địa chỉ: Số 8, Biên Cương, Thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Điện thoại: 056 3522166 Fax: 056 3522316

Báo cáo tài chính

Cho giai đoạn kế toán

từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

Phụ lục số 02: Tình hình tăng giảm Vốn chủ sở hữu

Nội dung	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác thuộc CSH	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Năm trước								
1. Số dư đầu năm	80.000.000.000	23.467.650.000	10.449.146.977	-	12.022.441.693	3.952.793.773	16.000.000.000	145.892.032.443
- Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-	24.157.248.452	24.157.248.452
- Trích lập các quỹ	-	-	-	-	3.621.205.992	1.207.068.664	-	4.828.274.656
Tăng khác	-	-	-	525.284	-	-	-	525.284
- Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-
- Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	16.000.000.000	16.000.000.000
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-	6.044.855.122	6.044.855.122
+ Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	-	-	3.621.205.992	3.621.205.992
+ Trích lập quỹ dự phòng tài chính	-	-	-	-	-	-	1.207.068.664	1.207.068.664
+ Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-	1.207.068.663	1.207.068.663
+ Giảm khác	-	-	-	-	-	-	9.511.803	9.511.803
2. Số dư cuối năm	80.000.000.000	23.467.650.000	10.449.146.977	525.284	15.643.647.685	5.159.862.437	18.112.393.330	152.833.225.712
Kỳ này								
1. Số dư ngày 01/01/2012	80.000.000.000	23.467.650.000	10.449.146.977	525.284	15.643.647.685	5.159.862.437	18.112.393.330	152.833.225.712
- Tăng vốn trong kỳ này	-	-	-	-	-	-	-	-
- Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	-	-	12.238.872.150	12.238.872.150
- Trích lập các quỹ	-	-	-	-	1.947.744.822	611.783.830	-	2.559.528.652
- Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	18.000.000.000	18.000.000.000
- Giảm khác:	-	-	-	525.284	-	-	3.174.508.018	3.175.033.302
+ Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	-	-	1.947.744.822	1.947.744.822
+ Trích lập quỹ dự phòng tài chính	-	-	-	-	-	-	611.783.830	611.783.830
+ Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-	611.783.830	611.783.830
+ Giảm khác	-	-	-	525.284	-	-	3.195.536	3.720.820
2. Số dư ngày 30/6/2012	80.000.000.000	23.467.650.000	10.449.146.977	-	17.591.392.507	5.771.646.267	9.176.757.462	146.456.593.212

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 47

Địa chỉ: Số 8, Biên Cương, Thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Điện thoại: 056 3522166 Fax: 056 3522316

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho giai đoạn kế toán

từ ngày 01/01/2012 đến 30/6/2012

Phụ lục số 03: Bảng kê chi tiết vay ngắn hạn Ngân hàng BIDV Bình Định

Đơn vị tính: đồng

Ngày Vay	Số kế ước	Kỳ hạn	Lãi suất	Số tiền	Ngày đến hạn
03/10/2011	341715	9 tháng	14% / năm	9.030.000.000	03/07/2012
03/10/2011	341706	9 tháng	14% / năm	5.640.531.623	03/07/2012
21/10/2011	345054	9 tháng	14% / năm	8.185.361.217	23/07/2012
21/10/2011	345063	9 tháng	14% / năm	9.591.253.388	23/07/2012
24/10/2011	345258	9 tháng	14% / năm	10.485.212.567	24/07/2012
26/09/2011	340396	9 tháng	14,28% / năm	8.043.415.353	26/07/2012
26/09/2011	340378	9 tháng	14,28% / năm	6.881.328.444	26/07/2012
27/10/2011	346093	9 tháng	14% / năm	1.953.879.932	27/07/2012
14/09/2011	338124	9 tháng	14,28% / năm	5.149.473.603	14/08/2012
14/11/2011	349357	9 tháng	14% / năm	6.768.313.107	14/08/2012
20/09/2011	339446	9 tháng	14,28% / năm	7.108.549.341	20/08/2012
20/09/2011	339437	9 tháng	14,28% / năm	9.442.075.864	20/08/2012
22/11/2011	351097	9 tháng	14% / năm	6.229.956.148	22/08/2012
24/11/2011	351477	9 tháng	14% / năm	9.416.813.289	24/08/2012
24/11/2011	351486	9 tháng	14% / năm	9.834.385.327	24/08/2012
30/11/2011	352568	9 tháng	14% / năm	5.805.926.432	30/08/2012
30/11/2011	352577		14% / năm	7.291.189.200	30/08/2012
01/12/2011	352814	9 tháng	14% / năm	7.159.500.000	04/09/2012
01/12/2011	352832	9 tháng	14% / năm	8.037.668.333	04/09/2012
01/12/2011	352823	9 tháng	14% / năm	7.641.725.679	04/09/2012
03/12/2011	353215	9 tháng	14% / năm	10.599.440.000	04/09/2012
05/12/2011	353288	9 tháng	14% / năm	6.672.914.578	05/09/2012
05/12/2011	353279	9 tháng	14% / năm	6.665.164.706	05/09/2012
05/12/2011	353260		14% / năm	6.182.442.180	05/09/2012
07/12/2011	353923	9 tháng	14% / năm	8.659.573.195	07/09/2012
07/12/2011	353765		14% / năm	6.403.765.414	07/09/2012
08/12/2011	354326	9 tháng	14% / năm	7.025.003.898	10/09/2012
08/12/2011	354227		14% / năm	10.000.000.000	10/09/2012
09/12/2011	354689	9 tháng	14% / năm	9.030.000.000	10/09/2012
09/12/2011	354704	9 tháng	14% / năm	6.873.850.500	10/09/2012
12/12/2011	354971	9 tháng	14% / năm	8.684.633.757	12/09/2012
12/12/2011	354980	9 tháng	14% / năm	7.488.125.896	12/09/2012
14/12/2011	355451	9 tháng	14% / năm	10.333.831.618	14/09/2012
16/12/2011	355974	9 tháng	14% / năm	10.000.000.000	17/09/2012
19/12/2011	356214	9 tháng	14% / năm	8.692.836.338	19/09/2012
26/12/2011	357651	9 tháng	14% / năm	8.209.200.169	26/09/2012
26/12/2011	357642	9 tháng	14% / năm	8.658.497.950	26/09/2012
27/12/2011	358007	9 tháng	14% / năm	7.415.452.602	27/09/2012
27/12/2011	357998		14% / năm	5.024.294.881	27/09/2012
28/12/2011	358405	9 tháng	14% / năm	4.303.271.486	28/09/2012
29/12/2011	358690	9 tháng	14% / năm	4.182.917.072	28/09/2012
05/01/2012	359912	9 tháng	14% / năm	7.101.550.963	05/10/2012
06/01/2012	360145	9 tháng	14% / năm	8.353.375.584	08/10/2012
09/01/2012	360446	9 tháng	14% / năm	7.480.000.000	09/10/2012
10/01/2012	360756	9 tháng	14% / năm	7.673.890.171	10/10/2012

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

Phụ lục số 03: Bảng kê chi tiết vay ngắn hạn Ngân hàng BIDV Bình Định

Đơn vị tính: đồng

Ngày Vay	Số kế ước	Kỳ hạn	Lãi suất	Số tiền	Ngày đến hạn
11/01/2012	361315	9 tháng	14% / năm	8.717.622.149	11/10/2012
17/01/2012	362600	9 tháng	14% / năm	9.855.104.338	17/10/2012
17/01/2012	362594	9 tháng	14% / năm	6.504.548.071	17/10/2012
17/01/2012	362585	9 tháng	14% / năm	9.976.521.427	17/10/2012
18/01/2012	363287	9 tháng	14% / năm	10.547.636.400	18/10/2012
19/01/2012	363454	9 tháng	14% / năm	7.765.000.000	19/10/2012
07/02/2012	365070	9 tháng	14% / năm	8.301.419.315	07/11/2012
16/12/2012	366709	9 tháng	14% / năm	4.568.705.889	16/11/2012
17/12/2012	366581	9 tháng	14% / năm	5.190.307.755	19/11/2012
21/02/2012	367395	9 tháng	14% / năm	6.554.437.475	21/11/2012
24/02/2012	368219	9 tháng	14% / năm	4.493.250.173	26/11/2012
27/02/2012	368422	9 tháng	14% / năm	8.765.355.934	27/11/2012
02/03/2012	369319	9 tháng	14% / năm	2.200.000.000	03/12/2012
05/03/2012	369902	9 tháng	14% / năm	4.120.812.325	05/12/2012
06/03/2012	370214	9 tháng	14% / năm	2.878.816.129	06/12/2012
14/03/2012	372043	9 tháng	14% / năm	1.439.348.164	14/12/2012
28/03/2012	374623	9 tháng	14% / năm	4.980.958.923	28/12/2012
04/04/2012	375608	9 tháng	14% / năm	8.085.015.478	04/01/2013
10/04/2012	376805	9 tháng	14% / năm	7.151.567.349	10/01/2013
10/04/2012	376513	9 tháng	14% / năm	1.929.935.940	10/01/2013
16/04/2012	377899	9 tháng	14,50% / năm	9.604.409.694	16/01/2013
16/04/2012	377905	9 tháng	14,50% / năm	10.138.822.926	16/01/2013
20/04/2012	378935	9 tháng	14,50% / năm	5.069.724.423	21/01/2013
04/05/2012	381094	9 tháng	14,50% / năm	10.316.176.501	04/02/2013
07/05/2012	381562	9 tháng	14,50% / năm	7.276.005.518	07/02/2013
08/05/2012	381748	9 tháng	14,50% / năm	7.585.192.781	08/02/2013
08/05/2012	381757	9 tháng	14,50% / năm	7.667.001.390	08/02/2013
10/05/2012	382219	9 tháng	14,50% / năm	7.162.518.938	15/12/2013
10/05/2012	382200	9 tháng	14,50% / năm	9.288.260.830	15/12/2013
15/05/2012	382769	9 tháng	14,50% / năm	4.599.751.724	15/12/2013
15/05/2012	382778	9 tháng	14,50% / năm	5.083.935.491	15/12/2013
15/05/2012	382990	9 tháng	14,50% / năm	6.327.964.745	15/12/2013
22/05/2012	384109	9 tháng	14,50% / năm	7.903.437.847	22/02/2013
22/05/2012	384093	9 tháng	14,50% / năm	5.113.147.900	22/02/2013
23/05/2012	348303	9 tháng	14,50% / năm	7.851.170.777	25/02/2013
28/05/2012	385157	9 tháng	14,50% / năm	5.255.269.899	28/02/2013
04/06/2012	386327	9 tháng	15% / năm	7.659.203.750	04/03/2013
06/06/2012	386789	9 tháng	15% / năm	5.552.407.308	06/03/2013
13/06/2012	388457	9 tháng	15% / năm	2.408.656.387	13/03/2013
19/06/2012	389803	9 tháng	14% / năm	7.652.096.671	19/03/2013
	Tổng cộng			604.952.110.539	

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 47

Địa chỉ: Số 8, Biên Cương, Thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Điện thoại: 056 3522166 Fax: 056 3522316

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho giai đoạn kế toán

từ 01/01/2012 đến 30/6/2012

Phụ lục số 04: Bảng kê chi tiết các khoản vay dài hạn Ngân hàng BIDV Bình Định**VAY DÀI HẠN USD**

Ngày Vay	Số kế ước	Kỳ hạn	Lãi suất	VND tương đương	Ngày đến hạn	Gốc vay-USD	Ghi chú
30/11/2010	5176	48 tháng	8,5%/năm	3.707.384.000	30/11/2014	178.000	Vay mua 01 cầu tháp điện Daewoo model DW1475
03/01/2010	3286	60 tháng	8,5%/năm	2.466.035.200	25/12/2015	118.400	Vay mua máy ủi Caterpillar-XL SX 2009 Nhật Bản
	Tổng cộng			6.173.419.200		296.400	

VAY DÀI HẠN VND

Ngày Vay	Số kế ước	Kỳ hạn	Lãi suất	Số tiền	Ngày trả kỳ tới		Ghi chú
04/03/2011	0304444	66 tháng	17,5%/năm	45.726.416.660	04/09/2016		
27/05/2010	0257548	60 tháng	17,5%/năm	2.123.368.816	27/05/2015		
25/05/2006	065884	84 tháng	17,5%/năm	5.350.000.000	25/05/2013		
02/03/2010	0245109	62 tháng	17,5%/năm	11.261.557.822	25/05/2014		
04/03/2011	0238969	66 tháng	17,5%/năm	14.291.338.100	04/09/2016		
20/05/2009	0194742	72 tháng	17,5%/năm	16.569.992.022	20/05/2014		
	Tổng cộng			95.322.673.420			

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)